TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/KDTM-ST
Ngày: 26-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Tống Văn Tâm

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 46/2025/TLST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH H (Việt Nam)

Địa chỉ: lô E (khu B) đường D, khu công nghiệp R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: 1/ bà Thái Thị N, sinh năm 1991; 2/ ông Phan Quốc S, sinh năm 2001; cùng địa chỉ liên hệ: số H N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/3/2025). (ông S có mặt, bà N vắng mặt)

- *Bị đơn:* Công ty TNHH K

Địa chỉ: số D KL đường V, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: bà Giang Diệm L, sinh năm 1986; địa chỉ: số A đường G, tổ A, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Trong năm 2020 và năm 2021, Công ty TNHH H (Việt Nam) (sau đây viết tắt là Công ty H) bán hàng hóa là tấm mút xốp cho Công ty TNHH K (sau đây viết tắt là Công ty K). Việc mua bán không ký hợp đồng mà chỉ căn cứ vào từng đơn đặt hàng cụ thể của bên mua, giá cả căn cứ vào bảng báo giá, giao hàng đến kho bên mua. Thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Sau khi giao hàng đầy đủ theo đơn hàng của Công ty K, Công ty H đã gửi bảng chi tiết công nợ, xuất hóa đơn. Cụ thể, trong các tháng 10, 11, 12 năm 2020 và các tháng 01, 3 năm 2021, Công ty H đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng số: 00000628 ngày 08/10/2020, 0000629 ngày 08/10/2020, 00000862 ngày 20/11/2020, 0000863 ngày 20/11/2020, 00000993 ngày 03/12/2020, 0000994 ngày 03/12/2020, 0001218 ngày 14/01/2021 và 0001494 ngày 20/3/2021 với tổng số tiền là 661.400.114 đồng. Công ty K đã thanh toán được số tiền 292.013.648 đồng và ngừng thanh toán. Hiện Công ty K còn nợ Công ty H số tiền 369.386.466 đồng.

Ngày 01/11/2024, Công ty K đã ký với Công ty H biên bản xác nhận công nợ và cam kết thanh toán công nợ với nội dung: Công ty K còn nợ Công ty H tổng số tiền 369.386.466 đồng. Công ty K cam kết thanh toán toàn bộ số công nợ trên 03 tháng một lần với số tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng. Kỳ thanh toán bắt đầu từ tháng 11/2024 đến khi thanh toán xong. Tuy nhiên từ khi ký biên bản cho đến nay, Công ty K vẫn chưa thanh toán được bất cứ khoản nào cho Công ty H. Công ty H nhiều lần liên lạc và yêu cầu Công ty K thanh toán công nợ nhưng không có kết quả. Việc Công ty K cố tình không thanh toán công nợ đã gây ra cho Công ty H rất nhiều khó khăn và thiệt hại trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty H khởi kiện Công ty K ra Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với yêu cầu: buộc Công ty K thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là 391.549.654 đồng, trong đó bao gồm: tiền nợ gốc: 369.386.466 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày 05/5/2025) với lãi suất 1%/ tháng như sau: 369.386.466 đồng x 6 tháng x 1%= 22.163.188 đồng. Lãi suất sẽ được tiếp tục tính cho tới khi Công ty K hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty K theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty K không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty K thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là 388.317.522đồng, trong đó bao gồm: tiền nợ gốc: 369.386.466đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2025) với mức lãi suất 0,75%/tháng là 18.931.056đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty K thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa là tấm mút xốp. Bị đơn Công ty K có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Bị đơn Công ty K đã được tống đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty K thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là 388.317.522đồng, trong đó bao gồm: tiền nợ gốc: 369.386.466đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2025) với mức lãi suất 0,75%/tháng là 18.931.056đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về số tiền nợ gốc: xét thấy, giữa Công ty H và Công ty K có quan hệ mua bán hàng hoá là tấm mút xốp. Công ty H đã giao hàng cho Công ty K và đã xuất các hoá đơn số số 00000628 ngày 08/10/2020, 0000629 ngày 08/10/2020, 00000862 ngày 20/11/2020, 0000863 ngày 20/11/2020, 00000993 ngày 03/12/2020, 0000994 ngày 03/12/2020; 0001218 ngày 14/01/2021 và 0001494 ngày 20/3/2021 với tổng số tiền hàng là 661.400.114 đồng. Công ty K đã thanh toán cho Công ty H số tiền 292.013.648 đồng, số tiền còn lại là 369.386.466

đồng. Ngày 01/11/2024, giữa Công ty H và Công ty K đã lập Biên bản xác nhận công nợ là 369.386.466 đồng và cam kết thanh toán nợ. Tuy nhiên, đến hạn thì Công ty K không thực hiện việc thanh toán theo thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn Công ty H khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty K thanh toán số tiền còn nợ 369.386.466 đồng là có cơ sở theo Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005.

[4.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Công ty H yêu cầu Công ty K thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng tính đến ngày xét xử với số tiền 18.931.056đồng. Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Như đã phân tích ở phần trên thì do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Xét thấy, tại thời điểm xét xử (ngày 26/6/2025) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,07%/năm (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ là 11,76%/năm, tại Ngân hàng TMCP S1 là 16,95%/năm, tại Ngân hàng N1 là 13,5%/năm). Do đó, việc Công ty H yêu cầu Công ty K thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,75%/tháng tương đương 9%/năm với số tiền tính đến ngày xét xử là 18.931.056đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty K phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 388.317.522đồng, tương đương số tiền án phí: 19.415.876 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H (Việt Nam) đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH H (Việt Nam) tổng số tiền 388.317.522đồng (Ba trăm tám mươi tám triệu ba trăm mười bảy nghìn năm trăm hai mươi hai đồng), gồm có nợ gốc 369.386.466 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 18.931.056đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH K phải nộp số tiền 19.415.876 đồng (Mười chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH H (Việt Nam) số tiền 9.909.662 đồng (Chín triệu chín trăm lẻ chín nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005133 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung